TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2018/DS-ST
Ngày: 11/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh;

2. Ông Chu Mạnh Tường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 185/2018/TLST-DS ngày 25/6/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sỹ Thị T, sinh năm 1954 (tên thường gọi là D) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 54 Đường S, khu tái định cư L, phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1968 - (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 27/14 Đường B, tổ F, khu phố G, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 63/3H Đường F, tổ D, khu phố T, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Bành Minh Q, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 54 Đường S, khu tái định cư L, phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Năm 2007, do có quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Mỹ H có nhờ bà Sỹ Thị T (tên thường gọi là D) mượn vốn để kinh doanh cửa hàng tạp hóa. Bà T đã cho bà H vay tiền nhiều lần nhưng không lập văn bản chỉ giao dịch bằng lời nói. Đến ngày 10/12/2007, hai bên đã cùng nhau xác nhận lại số tiền và viết giấy xác nhận nợ, chính bà Nguyễn Thị Mỹ H là người trực tiếp viết giấy xác nhận nợ và ký tên hẹn 10 ngày sau (20/12/2007) sẽ trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 46.000.000 đồng và tiền lãi nhưng bà H không thực hiện. Ngày 18/12/2011, bà Nguyễn Thị Mỹ H chính tay viết giấy hẹn trả nợ, hứa mỗi tháng trả 1.600.000 đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ nói trên. Thế nhưng, bà H chỉ trả được 16.000.000 đồng rồi ngừng không thanh toán nữa, sau nhiều nhắc nhở, đến nhà, gọi điện thoại yêu cầu bà H thanh toán nợ, thì vào ngày 18/9/2017 bà H viết giấy hẹn hứa đến ngày 22/10/2017 sẽ tiếp tục trả góp hàng tháng như đã thỏa thuận trước đây. Tuy nhiên, từ ngày 22/10/2017 cho đến nay bà Nguyễn Thị Mỹ H không trả bất kỳ số tiền nào mặc dù phía bà T đã nhiều lần nhắc nhở. Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên bà Sỹ Thị T (tên thường gọi là D) đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H trả lại số tiền còn lại là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và trả lãi.

(2) Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không hợp tác, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bà H và xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1968 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số nhà: 27/14 Đường số 36, tổ 3, khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: 63/3H Đường số 36, tổ 3, khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã Vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, mặc dù đã được Tào án triệu tập và thông báo hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bành Minh Q (chồng của bà Sỹ Thị T) đã trình bày: Ông Q có biết việc giao dịch vay mượn số tiền 46.000.000 đồng giữa bà Sỹ Thị T và bà Nguyễn Thị Mỹ H, tuy nhiên mọi giao dịch đều do bà T thực hiện. Nay ông Q thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T (vợ của ông). Ông Bành Minh Q xác nhận tên thường gọi hàng ngày của bà Sỹ Thị T là D.

(3) Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H tiếp tục vắng mặt mà không có lý do. Ông Bành Minh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nguyên đơn bà Sỹ Thị T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai đề Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định và chấp nhận đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của bà Sỹ Thị

T (bà D) và ông Bành Minh Q. Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Sỹ Thị T (tên thường gọi là D) với bà Nguyễn Thị Mỹ H phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đang cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Sỹ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bành Minh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, lời khai của nguyên đơn phù hợp với số tiền và thời gian được ghi trong giấy nhận nợ ngày 10/12/2007, giấy hẹn trả nợ các ngày 18/12/2011 và ngày 18/9/2017 có chữ viết và chữ ký của người xác nhận nợ và hẹn trả nợ là bà Nguyễn Thị Mỹ H. Toàn bộ chứng cứ này đã được công khai và đã thông báo cho bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H nhưng bà H không có ý kiến phản đối. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa bà Sỹ Thị T (tên gọi thường gọi là D) và bà Nguyễn Thị Mỹ H có quan hệ vay mượn tài sản, số tiền vay là 46.000.000 đồng, bà H đã trả được 16.000.000 đồng, còn nợ lại là 30.000.000 đồng. Căn cứ các Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ số tiền và đúng hạn. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận (ngày 22/10/2017) mà bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sở thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Sỹ Thị T (tên thường gọi là D) số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Sỹ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Mỹ H không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng bà H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên